

Bản án số: 252/2017/HSST

Ngày: 31/8/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Bảo Hồng.

2/ Bà Đặng Thu Vân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Duyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 236/2017/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Chu Văn V, giới tính: Nam, sinh ngày 25/11/1997, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không có. Chỗ ở: Không có nơi cư trú nhất định. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: Không biết chữ. Con ông Lê Văn H và bà Chu Thị L. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/3/2017 (Có mặt).

Người bị hại:

Bà: Hoàng Thị Y, sinh năm: 1960. Trú tại: Số 1795/48 Đường P, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Anh: Phạm Ngọc D, sinh năm: 1986. Trú tại: Số 2549/20/14 Đường P, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

2. Ông: Đỗ Thành A, sinh năm: 1979. Trú tại: Số 1795/2 Đường P, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Chu Văn V bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 20 giờ, ngày 03/3/2017, Tý (không rõ lai lịch) điều khiển xe gắn máy (không rõ biển số) chở Chu Văn V đi chơi. Khi đến trước hẻm 1795 Đường P, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì Tý thấy chị Hoàng Thị Y đang đi bộ vào trong hẻm, trên cổ chị Tý có đeo 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng. Tý rủ và V đồng ý giật sợi dây chuyền của chị Tý. Thực hiện ý định, Tý điều khiển xe gắn máy áp sát phía bên trái của chị Tý để V ngồi sau dùng tay giật sợi dây chuyền của chị Tý, nhưng chị Tý đã kịp thời phát hiện, nên không giật được. Chị Tý truy hô, do sợ bị bắt nên V nhảy xuống xe chạy bộ thì bị quần chúng nhân dân bắt giữ và giao Công an Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Sau đó, chị Tý đến Công an Phường Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giao nộp sợi dây chuyền trên. Riêng đối tượng Tý điều khiển xe bỏ chạy thoát. Sau đó vụ việc được chuyển đến Cơ quan điều tra Công an Quận 8 để điều tra làm rõ.

Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8, ngày 08/5/2017 thì: 01 sợi dây chuyền kim loại màu trắng, có mặt hình chữ thập kim loại màu trắng, dài khoảng 40cm, trị giá 2.767.410 đồng.

Ngày 22/6/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã trả lại sợi dây chuyền trên cho chị Hoàng Thị Y, chị Tý không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Chu Văn V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Lời khai của V phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 229/CT-VKS ngày 10/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Chu Văn V về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Chu Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Chu Văn V mức án từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (chưa đạt) theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 136, Điều 18, Điều 52, điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Chu Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi: Do muốn có tiền tiêu xài, nên vào khoảng hơn 20 giờ, ngày 03/3/2017; bị cáo đã cùng với đối tượng tên Tý (hiện không xác định được lai lịch) sử dụng xe gắn máy (không rõ biển số) làm phương tiện di chuyển để bất ngờ áp sát, tiếp cận và nhanh chóng chiếm đoạt tài sản là 01 (một) sợi dây chuyền kim loại màu trắng, có mặt hình chữ thập kim loại màu trắng, dài khoảng 40cm của người bị hại là bà Hoàng Thị Y, tại khu vực hẻm 1795 Đường P, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng chưa chiếm đoạt được thì bị phát

hiện bắt giữ trên đường tẩu thoát. Riêng đối tượng tên Tý (hiện không xác định được lai lịch) đã nhanh chóng điều khiển xe gắn máy bỏ chạy thoát.

Xét lời khai nhận của bị cáo Chu Văn V tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật; lời khai của (người bị hại, người làm chứng) cùng các tài liệu; biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra có tại hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố.

Tài sản mà bị cáo Chu Văn V cùng đối tượng tên Tý (hiện không xác định được lai lịch) chiếm đoạt, qua định giá kết luận có trị giá là 2.767.410 đồng, thuộc trường hợp có giá trị dưới 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Xét, với trị giá tài sản chiếm đoạt và hành vi của bị cáo Chu Văn V đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Chu Văn V đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 136 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Hành vi phạm tội của bị cáo Chu Văn V là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, đe dọa đến sự an toàn về tính mạng và sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo Chu Văn V là thanh niên có đầy đủ sức khỏe, nhưng lại lười lao động và bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật; nhưng với động cơ vụ lợi bất chính, vẫn cố ý phạm tội, gây hoang mang cho người dân về nạn cướp giật tài sản trên đường phố.

Xét, khi phạm tội, bị cáo Chu Văn V và đối tượng tên Tý (hiện không xác định được lai lịch) đã sử dụng xe gắn máy có phân khối lớn làm phương tiện di chuyển để bất ngờ áp sát, nhanh chóng tiếp cận người bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại, rồi tăng ga phóng nhanh để tẩu thoát, đe dọa đến sự an toàn về tính mạng, sức khỏe của người bị hại cũng như những người tham gia giao thông; nên theo quy định tại tiểu mục 5.3 mục 5 Phần I Thông tư liên tịch số 02/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 thì bị cáo Chu Văn V đã phạm tội thuộc trường hợp “Sử dụng thủ đoạn nguy hiểm”. Đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Vì vậy, bị cáo Chu Văn V phải bị xét xử theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Do đó, để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, về hình phạt đặt ra phải nghiêm, cần có một thời gian cách ly xã hội mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo V nói riêng và công tác đấu tranh phòng chống tội phạm chung. Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, cũng phần nào thể hiện sự ăn năn hối cải về lỗi lầm của mình đã gây ra; để giảm nhẹ cho bị cáo Chu Văn V một phần hình phạt theo quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Ngoài ra, bị cáo Chu Văn V phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt (vì chưa chiếm đoạt được tài sản, nên hậu quả của hành vi phạm tội chưa xảy ra); nên khi quyết định hình phạt áp dụng theo quy định tại Điều 18; Khoản 1, Khoản 3 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố đối với bị cáo Chu Văn V là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội; mức án mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị phù hợp tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung một số tiền nhất định, nhưng xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và khó thi hành; nên Hội đồng xét xử miễn cho bị cáo V phần hình phạt bổ sung.

+ Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, người bị hại là bà Hoàng Thị Y đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì khác. Tại phiên tòa, bà Hoàng Thị Y đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt. Xét đây là quyền tự định đoạt, quyết định của đương sự; nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

+ Về vật chứng: 01 (một) sợi dây chuyền kim loại màu trắng, có mặt hình chữ thập kim loại màu trắng, dài khoảng 40cm (do bà Hoàng Thị Y giao nộp); Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã trả lại cho bà Hoàng Thị Y là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với chiếc xe gắn máy (không rõ biển số) mà Tý (không rõ lai lịch) điều khiển chở V làm phương tiện di chuyển để phạm tội, do không thu giữ được, nên không có cơ sở xem xét xử lý.

+ Về án phí: Bị cáo Chu Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng tên Tý, do không xác định được lai lịch; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không có cơ sở để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Chu Văn V phạm tội “Cướp giạt tài sản” (chưa đạt).

- Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 136; Điều 18; Khoản 1, Khoản 3 Điều 52; điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

+ Xử phạt: Bị cáo Chu Văn V 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 03/3/2017.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Chu Văn V.

- Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Chu Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- PC.53;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Đội CSBV&HTTP, NTG CAQ.8;
- Đội CSĐT THCAQ.8;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Trọng Trúc